

Số: /BC-KTNS

Quảng Trị, ngày tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO

Thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tại Kỳ họp thứ 6 - HĐND tỉnh khoá VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo luật định và phân công của Thường trực HĐND tỉnh; sau khi nghiên cứu 07 tờ trình và dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thứ 6 - HĐND tỉnh; kết hợp tổ chức làm việc với các cơ quan chuyên môn có liên quan, khảo sát thực tế tại một số địa phương, đơn vị; ý kiến Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh tại phiên họp thứ 10 ngày 30/01/2026. Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định một số nội dung như sau:

Phần 1. Nội dung các tờ trình

I. Quy định mức chi, thời gian hỗ trợ khi tham gia phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (Tờ trình số 384/TTr-UBND ngày 29/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Về cơ sở pháp lý, thẩm quyền

Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết là đảm bảo trình tự, thủ tục và phù hợp quy định pháp luật. Đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031¹.

2. Nội dung: Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất đề nghị HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về nội dung, mức chi, thời gian, đối tượng, nguyên tắc hỗ trợ kinh phí, nguồn vốn thực hiện² như Tờ trình của UBND tỉnh.

3. Kiến nghị HĐND tỉnh: Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn có hướng dẫn cụ thể để các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện và quản lý, sử

¹ “1. Đối với các nội dung chi quy định tại Điều 3 Thông tư này: Căn cứ mức chi quy định tại Điều 4 Thông tư này và mức kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử do ngân sách trung ương bổ sung, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, sau khi thống nhất với Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban bầu cử cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp hoặc quyết định (trong trường hợp được Hội đồng nhân dân giao) mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ cụ thể tại địa phương.

2. Đối với các nhiệm vụ chi có tính đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu đã quy định: Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức chi cụ thể tại địa phương.

3. Các nội dung chi khác: Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.”

² Theo Tờ trình của UBND tỉnh, dự kiến nguồn lực thực hiện khoảng 115 tỷ đồng, bao gồm ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách xã.

dụng kinh phí phục vụ công tác bầu cử thống nhất, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật; xem xét hỗ trợ thêm kinh phí cho cấp xã để đảm bảo hoạt động.

II. Quy định chính sách hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá trên tỉnh Quảng Trị giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2028 (Tờ trình số 362/TTr-UBND ngày 29/01/2026 của UBND tỉnh).

Việc quy định chính sách hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá tỉnh Quảng Trị giai đoạn năm 2026 đến năm 2028 trình HĐND tỉnh quyết định để thay thế Nghị quyết số 55/2023/NQ-HĐND ngày 29/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ) và Nghị quyết số 64/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Bình đảm bảo đủ cơ sở pháp lý, trình tự thủ tục và đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo các quy định.

Nội dung Quy định chính sách nhằm tiếp tục khuyến khích, tạo điều kiện cho các chủ tàu cá trên địa bàn tỉnh vươn khơi, bám biển, tăng cường khai thác ở các vùng biển xa; giúp cơ quan chức năng kiểm soát hoạt động đánh bắt, đảm bảo an toàn cho ngư dân và phòng chống, ngăn chặn khai thác thủy sản bất hợp pháp. Mức hỗ trợ 250.000 đồng/tàu/tháng, trong thời hạn 3 năm từ năm 2026 đến năm 2028; tổng kinh phí thực hiện chính sách khoảng 12,240 tỷ đồng, bình quân mỗi năm 4,08 tỷ/năm từ nguồn sự nghiệp kinh tế thuộc ngân sách tỉnh là đảm bảo trong khả năng cân đối ngân sách và tình hình thực thực tiễn của địa phương theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 198/CD-TTg ngày 17/10/2025.

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất đề nghị HĐND tỉnh thông qua nghị quyết như đề nghị của UBND tỉnh.

III. Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (Tờ trình số 346/TTr-UBND ngày 28/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Căn cứ pháp lý, thẩm quyền

Việc quy định về nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng nguồn kinh phí đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành để thay thế Nghị quyết số 83/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình và Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị là đảm bảo đủ cơ sở pháp lý, trình tự thủ tục và đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025³; Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ⁴ và Nghị quyết số

³ Điểm g khoản 9 điều 31: Về thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh” Quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách của ngân sách địa phương”.

⁴ Khoản 1 Điều 15: ⁴ “1. Việc sử dụng nguồn kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định và nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập **trình Hội đồng nhân dân cùng cấp** căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, quyết định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này”.

10/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị⁵ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

2. Nội dung:

Tại khoản 3, điều 2 của dự thảo Nghị quyết chi mới quy định về định mức nguồn kinh phí trung ương hỗ trợ theo khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP (tại mục a,b). Tại mục (c) quy định định mức (*đối với nguồn kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa: hỗ trợ cho các xã, phường và cho các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật ngân sách hiện hành và các văn bản pháp luật liên quan*) là chưa rõ, chưa đủ cơ sở để phân bổ ngân sách địa phương theo nhiệm vụ tại điểm a3, khoản 12 điều 5 Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh đối với kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh.

Vì vậy, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết. Trong đó, tại điểm c, khoản 3, điều 2 của Nghị quyết quy định: *Đối với nguồn kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa: Giao UBND tỉnh thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh trước khi phân bổ cụ thể để bổ sung có mục tiêu cho các xã, phường và các cơ quan liên quan theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.*

IV. Bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật về phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công (Tờ trình số 374/TTr-UBND ngày 29/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Cơ sở pháp lý, thẩm quyền

- Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 (tại điểm b khoản 20 Điều 1)⁶: Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết cá biệt để bãi bỏ nghị quyết quy phạm pháp luật về phân cấp

⁵ Điểm a3, khoản 12 điều 5: Đối với kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa sẽ được bổ sung có mục tiêu sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định và quản lý và sử dụng kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa.

⁶ “2. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân ở đơn vị hành chính nào thì có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó và phải được quy định cụ thể ngay trong văn bản đó. Trường hợp có sự thay đổi về địa giới đơn vị hành chính thì hiệu lực về không gian và đối tượng áp dụng của văn bản quy phạm pháp luật được xác định như sau:

b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới;”.

thẩm quyền quản lý tài sản công là đảm bảo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2. Về nội dung: Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất thông qua Nghị quyết như đề nghị của UBND tỉnh.

V. Danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (đợt 1) năm 2026 (Tờ trình số 428/TTr-UBND ngày 30/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

1. Căn cứ pháp lý, thẩm quyền

Việc UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (đợt 1) năm 2026 và điều chỉnh Nghị quyết số 253/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của HĐND tỉnh là đúng trình tự, thủ tục và phù hợp với các quy định của pháp luật, các văn bản hướng dẫn hiện hành. Đúng thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh quy định tại điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 126⁷ Luật Đất đai 2024, điểm b⁸ khoản 3 Điều 4 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ.

2. Nội dung

a) Danh mục 03 khu đất đề xuất đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án khu đô thị, khu dân cư nông thôn và thực hiện dự án Xử lý chất thải rắn bằng công nghệ đốt rác phát điện, gồm:

(1) Khu đô thị Võ Ninh, xã Quảng Ninh, diện tích dự kiến sử dụng đất 59,6 ha; (2) Khu dân cư nông thôn Bắc Trạch, xã Bắc Trạch, diện tích dự kiến sử dụng đất 15,86 ha; (3) Dự án Xử lý chất thải rắn bằng công nghệ đốt rác phát điện tại xã Nam Trạch, tỉnh Quảng Trị: Vị trí Nhà máy xử lý: xã Nam Trạch; vị trí Trạm trung chuyển: phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, diện tích dự kiến sử dụng đất 12,8 ha.

c) Điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 253/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của HĐND tỉnh (Điều chỉnh tăng diện tích khu đất thực hiện đấu thầu dự án có sử dụng đất đối với 02 dự án Dự án Khu đô thị Bình Minh 1 và Dự án Khu đô thị Bình Minh 2).

Các dự án Khu đô thị Bình Minh 1 và Khu đô thị Bình Minh 2 đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án có sử dụng đất tại Nghị quyết số 253/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 (với diện tích sử dụng đất thực hiện dự án là: Dự án Khu đô thị Bình Minh 1: 44,47ha; Dự án Khu đô thị Bình Minh 2: 24,92ha) nay đề nghị bổ sung diện tích sử dụng đất của các tuyến

⁷ “3. Điều kiện để đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất quy định tại điểm a khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Thuộc danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định; 4. Dự án đầu tư có sử dụng đất quy định tại điểm b khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện để đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư quy định tại khoản 3 Điều này và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.

⁸ . Thuộc danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất được HĐND cấp tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật về đất đai.

đường vào phạm vi thực hiện các dự án (*Dự án Khu đô thị Bình Minh 1: 47,37ha (tăng 2,9ha); Dự án Khu đô thị Bình Minh 2: 26,75ha (tăng 1,83ha)*). **Lý do điều chỉnh:** Bổ sung phần diện tích theo đề xuất của UBND tỉnh và giao cho nhà đầu tư thực hiện để đồng bộ hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài dự án đảm bảo kết nối phù hợp; hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đảm bảo điều kiện kinh doanh bất động sản, bao gồm cả nhà ở được quy định tại khoản 6 Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản và tại điểm a, khoản 3 Điều 33 Luật Nhà ở”.

3. Kiến nghị HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh

Đây là các dự án tỉnh đang quan tâm kêu gọi, xúc tiến đầu tư, sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, đề nghị UBND tỉnh tập trung chỉ đạo tích hợp, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp xã và các quy hoạch khác.

Đối với dự án Khu dân cư nông thôn Bắc Trạch, xã Bắc Trạch: Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan phối hợp với UBND xã rà soát lại quy hoạch và các dự án phát triển quỹ đất ở trong khu dân cư tại địa bàn nhằm cân đối hài hòa nhu cầu thực tiễn, đảm bảo khai thác hiệu quả quỹ đất hiện có để phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đồng thời, quá trình triển khai thực hiện, cần nghiên cứu phương án thoát lũ trong khu vực dự kiến thực hiện dự án.

Đối với dự án Xử lý chất thải rắn bằng công nghệ đốt rác phát điện tại xã Nam Trạch: Đây là dự án sử dụng công nghệ mới phù hợp với mục tiêu của Luật Bảo vệ môi trường⁹, đồng thời phù hợp với Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Chính phủ¹⁰. Tuy nhiên, hiện nay trên địa bàn tỉnh đã và đang triển khai một số dự án xử lý chất thải với công nghệ, quy mô, công suất khác nhau (Nhà máy xử lý rác thải của Công ty TNHH dự án Việt Nam tại xã Nam Trạch; Nhà máy xử lý chất thải của Công ty TNHH Môi trường xanh Miền Trung tại xã Trung Thuần, Khu liên hợp xử lý chất thải tại xã Ái Tử, ...), cùng sử dụng nguồn rác thải trong tỉnh. Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh cần rà soát, đánh giá thực trạng về quy mô, công nghệ, công suất của các nhà máy xử lý rác thải đã triển khai, các dự án đang dự kiến thu hồi đất, kêu gọi đầu tư về xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh để xem xét, lựa chọn phương án phù hợp, hiệu quả trong triển khai thực hiện quy hoạch xử lý rác thải trên địa bàn; đảm bảo đủ nguồn cung cấp rác theo công suất hoạt động của các nhà máy; tối ưu hóa chi phí thu gom, vận chuyển rác, tránh xung đột về nguyên liệu khi các nhà máy đi vào hoạt động nhằm phát huy hiệu quả đầu tư, tránh lãng phí nguồn lực đầu tư của xã hội, bảo đảm vệ sinh môi trường khi triển khai các dự án về xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh.

VI. Thông qua bổ sung danh mục công trình, dự án thu hồi đất trên địa

⁹ Là hạn chế xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp.

¹⁰ Đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 là tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp trên tổng lượng chất thải được thu gom đến năm 2030 còn 10%.

bàn tỉnh Quảng Trị (Tờ trình số 367/TTr-UBND ngày 29/01/2026 của UBND tỉnh)

1. Cơ sở pháp lý, thẩm quyền

Theo quy định tại Điều 14, Điều 67, khoản 5¹¹ Điều 72, Điều 79 Luật Đất đai năm 2024, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua bổ sung danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất trên đại bàn tỉnh là đủ cơ sở pháp lý, đúng thẩm quyền quy định.

2. Nội dung

Tại kỳ họp lần này, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua bổ sung danh mục 13 công trình, dự án thu hồi đất với tổng diện tích sử dụng đất là 133,31 ha. Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy: Các dự án đảm bảo đủ cơ sở pháp lý, phù hợp với thực tế và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Ban thống nhất trình HĐND tỉnh thông qua bổ sung danh mục 13 dự án phải thu hồi đất như đề nghị của UBND tỉnh, đồng thời có thêm một số ý kiến sau:

- Đối với Dự án xây dựng Khu liên hiệp xử lý chất thải Quảng Trị tại xã Ái Tử có diện tích đề nghị phải thu hồi là 12 ha. Đề nghị UBND tỉnh xem xét, cân nhắc kỹ lưỡng trong việc triển khai thực hiện các bước tiếp theo, lựa chọn công nghệ xử lý rác thải đảm bảo tính khả thi, hiệu quả; khoanh vùng nguyên liệu rác thải cần xử lý theo địa bàn để tối ưu hóa chi phí vận chuyển, tránh xung đột về nguyên liệu với các nhà máy khác khi đi vào hoạt động. Tăng cường công tác giám sát, thực hiện đúng theo phương án bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường trong quá trình triển khai, vận hành dự án.

- Đối với dự án Khu dân cư Nam sông Vĩnh Phước tại xã Ái Tử, diện tích đất đề nghị phải thu hồi là 43,52 ha. Qua khảo sát thực tế hiện trường thấy rằng: Trong phạm vi dự án có 02 tuyến đường dây điện 220 KV và 01 tuyến đường giao thông trong quy hoạch đi ngang qua. Do đó, đề nghị trong quá trình lập quy hoạch chi tiết dự án, thực hiện thu hồi đất cần đảm bảo hành lang an toàn lưới điện; đảm bảo quy hoạch, tính kết nối giao thông của dự án không ảnh hưởng đến việc lưu thông, đi lại trên tuyến đường khi được đầu tư.

VII. Về Quyết định chủ trương danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 19/01/2026 của UBND tỉnh)

1. Cơ sở pháp lý, thẩm quyền

Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh là đủ cơ sở pháp lý, đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh quy định tại Điều 248 Luật Đất đai 2024 về

¹¹ .“Trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất, trong đó có dự án thu hồi đất để đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất;...”.

sửa đổi bổ sung Điều 20 Luật Lâm nghiệp 2017¹².

2. Nội dung

Tại kỳ họp này UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định CMĐSD rừng để thực hiện 03 dự án, với tổng diện tích rừng đề nghị chuyển đổi mục đích sử dụng là 13,09239 ha, thuộc đối tượng rừng trồng. Trong đó có: 2,06196 ha rừng trồng sản xuất và 11,03043 ha rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp có nguồn gốc là rừng sản xuất.

Qua thẩm tra rà soát, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy: Các dự án trình đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư, Luật Lâm nghiệp và các quy định của pháp luật chuyên ngành; và đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, UBND tỉnh khẳng định đủ điều kiện để trình HĐND tỉnh quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất đề nghị HĐND tỉnh thông qua như đề nghị của UBND tỉnh, đồng thời có thêm ý kiến đối với 02 dự án khai thác mỏ đá Gabro - Diorit làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp: Quá trình triển khai thực hiện dự án cần tăng cường việc giám sát môi trường, áp dụng giải pháp thi công phù hợp phòng tránh sạt lở; có phương án về đường vận chuyển sản phẩm khai thác phù hợp, hạn chế ảnh hưởng đến việc đi lại, đời sống và sinh kế của người dân vùng gần dự án.

Phần 2. Các dự thảo nghị quyết

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh được phân công thẩm tra 04 dự thảo nghị quyết cá biệt, 03 dự thảo nghị quyết quy phạm pháp luật. Các nội dung thẩm tra đã nêu tại Báo cáo này, khi được Chủ tọa kỳ họp kết luận thống nhất đề nghị bổ sung vào nghị quyết của HĐND tỉnh.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Đại biểu dự họp;
- Lưu: Ban KTNS, VT.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Đăng Ánh

¹² “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, trừ trường hợp thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Luật đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Dầu khí”.

